TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 7 - V	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST
Ngày 25/3/2026
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thuận.

2. Bà Võ Thị Thanh Thuỷ.

- Thư ký phiên toà*:* Bà Võ Thị Lan Chi, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7- V.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- V tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Duyên Em

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim Ng, sinh năm: 1989; Địa chỉ: 153B, ấp C, xã T, tỉnh V (Trước đây là xã T, huyện C, tỉnh B).

- *Bị đơn:* Ông Dư Văn T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: ấp H, xã L, tỉnh V (Trước đây là ấp H, xã L, huyện G, tỉnh B).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11/8/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Phạm Thị Kim Ng trình bày:

Bà và bị đơn là ông Dư Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh B (cũ), vào ngày 06/4/2020. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, đến vào năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cải vã, không có tiếng nói chung, hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa. Vợ chồng đã sống ly thân từ ngày 20/10/2024 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà có yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà và ông T không có con chung nên không có yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc làm ăn, bà không thể đến Tòa án giải quyết việc ly hôn của bà và ông T được nên bà có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bà không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 13 tháng 3 năm 2026, ông T vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ trong quá trình tố tụng. Thẩm phán đảm bảo đúng theo thời gian giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, vô tư, khách quan. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim Ng. Bà Phạm Thị Kim Ng và ông Dư Văn T được ly hôn.

Về con chung: Bà Ng và ông T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình: bà Phạm Thị Kim Ng phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với bà Phạm Thị Kim Ng là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Ông Dư Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Ng và ông T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Ng và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Thuỷ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (cũ), vào ngày 06/4/2020 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của bà Ng và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó, ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo bà Ng trình bày, bà và ông T đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã, không cùng có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ

chồng không còn, không ai quan tâm tới ai nên bà đã tự chia tay và sống ly thân với ông T từ năm 2024 cho đến nay. Sau khi bà Ng có yêu cầu xin ly hôn với ông T, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho bà Ng và ông T hàn gắn, nhưng ông T đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho bà Ng và ông T đoàn tụ được. Việc ông T vắng mặt là ông T đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của bà Ng, ông T đã đương nhiên từ bỏ quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do bà Ng không còn tình cảm vợ chồng với ông T nữa nên bà có yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tòa án đã động viên bà Ng trở về cùng đoàn tụ với ông T nhưng bà Ng không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với ông T.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của bà Ng và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Ng cho bà Ng được ly hôn với ông T.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống, bà Ng và ông T không có con chung, bà Ng không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Ng khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T không đến Tòa án để giải quyết về việc ly hôn nên không xem xét được ông T có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

- *Về án phí:* bà Ng phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Phạm Thị Kim Ng được ly hôn với ông Dư Văn T.

2. *Về con chung:* Bà Phạm Thị Kim Ng và ông Dư Văn T không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Bà Phạm Thị Kim Ng phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Ng đã nộp theo biên lai thu số 0008937 ngày 10/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh V. Bà Ng đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7- V;
- Phòng THADS khu vực 7- V;
- TAND tỉnh V;
- UBND xã T, tỉnh V
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA